CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 45

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho năm tài chính 2010

BÌNH DƯƠNG, THÁNG 02 - 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 45
Địa chỉ: Ấp Rạch Bắp, xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Tel: (84 - 0650) 3 578 430 Fax: (84 - 0650) 3 578 430

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là đơn vị kinh tế độc lập, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700538575 (mã số cũ 4603000077) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/08/2003. Công ty có tám (08) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 15/04/2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 01/11/2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 19/07/2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 25/11/2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 04/06/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 26/12/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 23/12/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 02/12/2010.

Vốn điều lệ của Công ty là: **80.000.000.000 đồng** *(Tám mươi tỷ đồng Việt Nam).*

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp (%)	Số cổ phần
1	Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam Đại diện: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng	Tòa nhà Vinaconex, khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân chính, phường Nhân chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	29,04 %	2.323.750
2	Công ty CP Xây dựng số 9 Đại diện: Ông Phạm Văn Hải	Tầng 6&7 nhà D9, đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.	1,56 %	125.000

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất xi măng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng các loại (trừ gạch nung, ngói nung), bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông cốt thép dùng cho các công trình xây dựng, nhà bê tông dự ứng lực;
- Sản xuất kết cấu kim loại;
- Mua bán vật liệu và vật tư ngành xây dựng;
- Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thi công, xây lắp các công trình giao thông;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Thi công, xây lắp các công trình thủy lợi;
- Thi công các công trình cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Thi công xây lắp công trình điện dân dụng và công nghiệp, lưới điện hạ thế và trung thế từ 35KV trở xuống;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác;
- Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế nội thất công trình;
- Dịch vụ thí nghiệm các loại vật liệu xây dựng;
- Khai thác và cho thuê bến bãi;
- Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

- Ông Đặng Hoàng Huy	Chủ tịch
- Ông Trần Văn Bùi	Ủy viên
- Ông Đỗ Thạch Cương	Ủy viên
- Ông Chử Minh Tuyến	Ủy viên
- Ông Dương Văn Mậu	Ủy viên

Ban Giám đốc

- Ông Trần Văn Bùi	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/06/2010)
- Ông Cao Đại Hải	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/06/2010)
- Ông Chử Minh Tuyến	Phó Giám đốc
- Ông Ngô Tiến Đức	Phó Giám đốc
- Ông Đặng Văn Quang	Phó Giám đốc
- Ông Lê Hoàng Mai	Phó Giám đốc

Trụ sở chính

Địa chỉ: Ấp Rạch Bắp, xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (84 - 0650) 3 578 430 Fax: (84 - 0650) 3 578 430

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 45

Cao Đại Hải
Giám đốc
Bình Dương, ngày 14 tháng 01 năm 2011

COMPANY LIMITED
VAE
CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL
Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 176 -11/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

Kính gửi : **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 được lập ngày 14/01/2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 31 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 cho năm tài chính 2010:

(a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và

(b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý người sử dụng Báo cáo tài chính

Công ty đang ghi nhận khoản vốn góp bằng thương hiệu Vinaconex trên tài sản vô hình với giá trị 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản quy định của Nhà nước về góp vốn bằng thương hiệu, do đó bất kỳ

VIETNAM AUDITING AND EVALUATION COMPANY LIMITED
Office : Floor 11 Song Da Building - No 165 - Cau Giay Road - Hanoi
Tel: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04. 62 670 494 Website: www.vae.com.vn

sự thay đổi nào về vấn đề trên đều có thể ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010.

Theo hợp đồng chuyển nhượng số 176/HĐ - CNCP ngày 22/04/2010, toàn bộ số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 do Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam nắm giữ được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai. Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Công ty vẫn chưa tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua vấn đề trên.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 giữ năm (05) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0148/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Kim Trinh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1229/KTV

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**122.909.988.191**	**52.478.633.225**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**2.168.222.090**	**977.175.240**
1 Tiền	111	V.01	2.168.222.090	977.175.240
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.02**	**3.072.556.823**	**416.250.000**
1 Đầu tư ngắn hạn	121		3.072.556.823	416.250.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**60.731.974.471**	**34.658.769.793**
1 Phải thu khách hàng	131	VIII.2.1	58.867.319.213	29.794.327.882
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	1.515.982.297	4.259.507.973
5 Các khoản phải thu khác	135	V.03	848.672.961	954.933.938
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(500.000.000)	(350.000.000)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**48.972.372.737**	**14.324.693.227**
1 Hàng tồn kho	141	V.04	48.972.372.737	14.324.693.227
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**7.964.862.070**	**2.101.744.965**
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		251.236.911	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	7.713.625.159	2.101.744.965
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	**200**		**78.003.814.518**	**60.414.027.793**
II. Tài sản cố định	**220**		**73.292.955.475**	**55.930.613.758**
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	38.950.480.243	34.715.337.620
- Nguyên giá	*222*		*55.580.605.160*	*47.296.906.540*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(16.630.124.917)*	*(12.581.568.920)*
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.06	300.000.000	300.000.000
- Nguyên giá	*228*		*300.000.000*	*300.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	-
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	34.042.475.232	20.915.276.138
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.710.859.043**	**4.483.414.035**
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	4.710.859.043	4.483.414.035
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**200.913.802.709**	**112.892.661.018**

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**145.261.172.611**	**58.619.399.355**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**144.793.672.611**	**54.419.399.355**
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	81.841.947.296	25.726.387.029
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4	41.558.940.080	15.428.941.497
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	13.418.932.391	6.917.030.687
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	212.010.504	1.947.556.463
5 Phải trả người lao động	315		2.549.308.197	286.022.270
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	5.196.591.066	4.088.568.332
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		15.943.077	24.893.077
II. Nợ dài hạn	**330**		**467.500.000**	**4.200.000.000**
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.12	467.500.000	4.200.000.000
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	**400**		**55.652.630.098**	**54.273.261.663**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.13**	**55.652.630.098**	**54.273.261.663**
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		11.330.500.000	11.330.500.000
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3.171.914	(449.533.911)
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		111.785.372	111.785.372
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(35.792.827.188)	(36.719.489.798)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)	**440**		**200.913.802.709**	**112.892.661.018**

Bình Dương, ngày 14 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 45

Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Đức Dụng	Cao Đại Hải

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.14**	**104.880.624.982**	**43.127.083.647**
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**104.880.624.982**	**43.127.083.647**
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.15	85.754.447.447	55.015.063.336
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	**20**		**19.126.177.535**	**(11.887.979.689)**
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16	733.019.393	102.639.818
7 Chi phí tài chính	22	VI.17	6.866.601.345	5.256.431.106
Trong đó: Lãi vay đã trả	*23*		*6.277.533.405*	*4.476.846.334*
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.6	4.581.137.818	1.503.041.148
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.7	8.420.844.431	5.750.847.442
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	**30**		**(9.386.666)**	**(24.295.659.567)**
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.8	1.023.877.619	2.566.655.341
12 Chi phí khác	32	VIII.2.9	87.828.343	3.057.590.846
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**936.049.276**	**(490.935.505)**
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	**50**		**926.662.610**	**(24.786.595.072)**
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**926.662.610**	**(24.786.595.072)**
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.19**	**115,83**	**(3.585,58)**

Bình Dương, ngày 14 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 45

Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Đức Dụng	Cao Đại Hải

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***926.662.610***	***(24.786.595.072)***
2. *Điều chỉnh cho các khoản*				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.060.777.117	4.908.344.631
- Các khoản dự phòng	03		150.000.000	100.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	449.533.911
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(733.019.393)	160.409.992
- Chi phí lãi vay	06		6.277.533.405	4.476.846.334
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***10.681.953.739***	***(14.691.460.204)***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.086.321.783)	(22.014.799.063)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(34.647.679.510)	17.691.387.048
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		34.267.662.989	15.782.423.942
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(227.445.008)	1.172.328.404
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.888.178.654)	(3.841.940.889)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.580.479.901	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.633.449.060)	(5.346.933.357)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(30.952.977.386)***	***(11.248.994.119)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21.368.728.249)	(1.842.764.559)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.625.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		733.019.393	102.639.818
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(20.635.708.856)***	***884.875.259***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	23.847.560.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		101.119.298.711	19.674.432.895
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(48.339.565.619)	(32.841.859.150)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(413.640.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***52.779.733.092***	***10.266.493.745***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**1.191.046.850**	**(97.625.115)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**977.175.240**	**1.074.800.355**
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**	**V.01**	**2.168.222.090**	**977.175.240**

Bình Dương, ngày 14 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 45

Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Đức Dụng	Cao Đại Hải

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là đơn vị kinh tế độc lập, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700538575 (mã số cũ 4603000077) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/08/2003. Công ty có tám (08) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 15/04/2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 01/11/2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 19/07/2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 25/11/2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 04/06/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 26/12/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 23/12/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 02/12/2010.

Vốn điều lệ của Công ty là: **80.000.000.000 đồng** *(Tám mươi tỷ đồng Việt Nam)*.

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp (%)	Số cổ phần
1	Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam Đại diện: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng	Tòa nhà Vinaconex, khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân chính, phường Nhân chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	29,04 %	2.323.750
2	Công ty CP Xây dựng số 9 Đại diện: Ông Phạm Văn Hải	Tầng 6&7 nhà D9, đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.	1,56 %	125.000

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất xi măng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng các loại (trừ gạch nung, ngói nung), bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông cốt thép dùng cho các công trình xây dựng, nhà bê tông dự ứng lực;
- Sản xuất kết cấu kim loại;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010
(*tiếp theo*)

- Mua bán vật liệu và vật tư ngành xây dựng;
- Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thi công, xây lắp các công trình giao thông;
- Thi công, xây lắp các công trình thủy lợi;
- Thi công các công trình cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Thi công xây lắp công trình điện dân dụng và công nghiệp, lưới điện hạ thế và trung thế từ 35KV trở xuống;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác;
- Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế nội thất công trình;
- Dịch vụ thí nghiệm các loại vật liệu xây dựng;
- Khai thác và cho thuê bến bãi;
- Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng./.

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Ấp Rạch Bắp, xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (84 - 0650) 3 578 430 Fax: (84 - 0650) 3 578 430

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp".

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Unesco. Đến thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính, Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ đã được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho :

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với TSCĐ hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao <năm>*
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải	05
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là các khoản cho cá nhân vay ngắn hạn, được ghi nhận theo giá gốc tại ngày phát sinh giao dịch.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, chứng từ ngân hàng, phiếu thu và phiếu chi.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ là các khoản chi phí công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ là các khoản chi phí giàn giáo, cốt pha và ván khuôn có thời gian phân bổ trên 1 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các thành phẩm cấu kiện bê tông, doanh thu từ hoạt động xây lắp và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán các thành phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu và sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích ghi nhận khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 05 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị nghiệm thu khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng biên bản nghiệm thu, quyết toán, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(*tiếp theo*)

Doanh thu từ lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 02 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, là chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

10.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty tiến hành trích lập công nợ phải thu khó đòi đối với khoản công nợ đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên theo tỷ lệ 30% đến 100% quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 cuả Bộ Tài Chính.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình Nhà máy Bê tông Dự ứng lực và các tài sản cố định đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

10.3 Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn là của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Bình Dương, Ngân hàng VIB Bình Dương và Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Khoản vay dài hạn là của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Bình Dương. Các khoản vay ngắn và dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn vay dưới 01 năm trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 01 năm trở lên được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

10.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế .

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh và dự toán giao khoán của từng công trình.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	***509.758.182***	***132.510.339***
Tiền gửi ngân hàng	***1.658.463.908***	***844.664.901***
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Tỉnh Bình Dương	306.966.427	832.880.823
Ngân hàng TMCP An Bình	3.076.432	2.711.380
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bến Cát	179.133	179.133
Ngân hàng LD Lào Việt - CN Tp. HCM	8.101.730	8.010.698
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Quận Bình Thạnh	771.057	882.867
Ngân hàng Quốc Tế Tỉnh Bình Dương	1.116.321.002	-
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Mỹ Phước, tỉnh Bình Dương	223.048.127	-
Tổng cộng	**2.168.222.090**	**977.175.240**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư ngắn hạn khác	**3.072.556.823**	**416.250.000**
Mai Ngọc Thuần - Phòng kinh doanh	21.206.823	32.000.000
Trần Việt Đức - Xây dựng 5	1.083.000.000	350.000.000
Đoàn Binh Thạnh - Xây dựng 2	8.250.000	8.250.000
Chử Minh Tuyến - Phòng kinh doanh	-	26.000.000
Trần Ngọc Hùng - Đội Xây dựng số 3	774.000.000	-
Bùi Dương Thành Trung	60.000.000	-
Nguyễn Thanh Đạm - Đội Xây dựng Số 1	126.100.000	-
Công ty CP Thiết Bị Thành Thái - vay phục vụ SXKD	1.000.000.000	-
Tổng cộng	**3.072.556.823**	**416.250.000**

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Ông Lê Dưỡng - Công trình Thảo Điền	49.615.000	49.615.000
Nộp thuế trước bạ hộ Lý Chính Thắng	12.257.718	12.257.718
Nguyễn Thành Đông	113.537.500	113.537.500
Sửa chữa xe cẩu của Công ty CP Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	2.879.613	48.820.000
Công ty Vinanconex 27 vay thép dự ứng lực T5	-	58.049.205
Đội Xây dựng số 5	-	2.203.885
Đội Xây dựng số 2	-	67.500
Các khoản phải thu khác	670.383.130	670.383.130
Tổng cộng	**848.672.961**	**954.933.938**

4. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu vật liệu	21.146.650.978	9.627.409.384
Công cụ, dụng cụ	85.615.097	115.603.958
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.825.626.888	4.287.529.500
Thành phẩm	8.914.479.774	294.150.385
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	**48.972.372.737**	**14.324.693.227**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2010	**30.872.309.303**	**14.125.575.956**	**2.007.663.646**	**291.357.635**	**47.296.906.540**
Mua trong năm	-	4.836.898.815	519.012.382	137.117.234	**5.493.028.431**
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.327.585.004	1.463.085.185	-	-	**2.790.670.189**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2010	**32.199.894.307**	**20.425.559.956**	**2.526.676.028**	**428.474.869**	**55.580.605.160**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư ngày 01/01/2010	**5.525.488.574**	**5.835.806.626**	**968.242.689**	**252.031.031**	**12.581.568.920**
Khấu hao trong năm	1.489.467.292	2.163.254.909	367.703.603	40.351.313	**4.060.777.117**
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	12.221.120	**12.221.120**
Số dư ngày 31/12/2010	**7.014.955.866**	**7.999.061.535**	**1.335.946.292**	**280.161.224**	**16.630.124.917**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2010	**25.346.820.729**	**8.289.769.330**	**1.039.420.957**	**39.326.604**	**34.715.337.620**
Tại ngày 31/12/2010	**25.184.938.441**	**12.426.498.421**	**1.190.729.736**	**148.313.645**	**38.950.480.243**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.545.812.787 VND.

- Giá trị còn lại TSCĐ sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay: 29.049.888.938 VND.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thương hiệu Vinaconex Xuân Mai	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2010	**300.000.000**	**300.000.000**
Số dư ngày 31/12/2010	**300.000.000**	**300.000.000**
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư ngày 01/01/2010	-	-
Số dư ngày 31/12/2010	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2010	**300.000.000**	**300.000.000**
Tại ngày 31/12/2010	**300.000.000**	**300.000.000**

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Mua sắm tài sản cố định	***3.204.237.394***	***2.026.802.047***
Thiết bị nâng	611.080.510	611.080.510
Thiết bị trộn bê tông	89.413.600	89.413.600
Thiết bị xưởng cốt thép và cơ khí	106.913.225	106.913.225
Thiết bị phòng Thí nghiệm KCS	125.490.000	125.490.000
Xe sơ mi vận chuyển	6.000.000	6.000.000
Xe rải bê tông	28.653.000	28.653.000
Xe goong	50.248.402	50.248.402
Khuôn sản phẩm	869.053.989	869.053.989
Thiết bị văn phòng	57.001.464	57.001.464
Thiết bị khác	82.947.857	82.947.857
Cẩu tháp KB 403A	1.133.541.090	-
Cẩu tháp 7030	11.271.573	-
Sửa chữa cẩu Potain	32.622.684	-
Xây dựng cơ bản	***30.527.785.457***	***18.626.841.710***
Xây dựng Nhà máy Bê tông Dự ứng lực	18.957.288.196	18.578.604.159
Hạng mục cảng xà lan 300T	48.237.551	48.237.551
Đầu tư mở rộng xưởng SX - Nhịp 3,4	10.111.001.231	-
DA Nhà ở CBCNV 1ha và 1,2 ha	1.297.884.503	-
Nhà ở công nhân	113.373.976	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	***310.452.381***	***261.632.381***
Tổng cộng	**34.042.475.232**	**20.915.276.138**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Bộ giàn giáo SAKI	472.928.262	472.928.262
Chi phí khuôn sản xuất cấu kiện bê tông	2.975.890.794	2.975.890.794
Ván khuôn cọc 400x400 trong nhà và ngoài cảng	260.920.843	393.166.537
Đáy dầm, lõi khuôn dầm và thành khuôn dầm	36.232.624	367.417.746
Máng nước Ninh Thuận	-	209.800.632
Ván khuôn cọc 250x250 ngoài cảng	-	38.092.790
Máy xử lý nước uống của xưởng	-	7.151.516
Máy tính (2 chiếc) của phòng thiết kế	-	18.965.758
Đường ray xe gòong	11.080.132	-
Máy tính và các thiết bị VP của các phòng, ban	42.251.621	-
Đáy dầm 220+400 - CT 9T lô C5-C6	40.096.273	-
Sàn di động	59.974.185	-
Lõi khuôn 720 + thành khuôn dầm 670 + lõi khuôn 220	229.236.644	-
Giàn giáo SIKA 2	215.226.000	-
Ruột neo	161.479.957	-
Công cụ, dụng cụ, thiết bị khác	205.541.708	-
Tổng cộng	**4.710.859.043**	**4.483.414.035**

9. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn	***79.641.947.296***	***16.226.387.029***
CN Ngân hàng Đầu tư và PT tỉnh Bình Dương	53.877.402.565	9.111.170.029
VND	*53.519.958.075*	*5.004.709.797*
USD	*357.444.490*	*4.106.460.232*
Ngân hàng VIB Bình Dương (VND)	21.359.211.690	-
TCT CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	4.405.333.041	5.615.217.000
Công ty CP Bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai	-	1.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	***2.200.000.000***	***9.500.000.000***
CN Ngân hàng Đầu tư và PT tỉnh Bình Dương	2.200.000.000	9.500.000.000
Tổng cộng	**81.841.947.296**	**25.726.387.029**

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế GTGT đầu ra	-	1.930.108.080
Thuế thu nhập cá nhân	212.010.504	17.448.383
Tổng cộng	**212.010.504**	**1.947.556.463**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

11. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Kinh phí công đoàn	282.302.022	90.820.786
Bảo hiểm xã hội	276.956.825	286.729.976
Bảo hiểm y tế	74.926.881	-
Bảo hiểm thất nghiệp	37.079.436	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.525.325.902	3.711.017.570
Tổng Công ty thưởng lễ phát động thi đua	*9.100.000*	*9.100.000*
Ủng hộ nạn sập cầu Cần Thơ, bão lụt	*13.010.000*	*13.010.000*
Công ty Kiến Thành hợp tác xây dựng cư xá Thanh Đa	*50.000.000*	*50.000.000*
Công ty Đất Việt hợp tác xây dựng cư xá Thanh Đa	*50.000.000*	*50.000.000*
Kết chuyển khoản phải trả cổ tức năm 2007	*208.616.592*	*209.816.592*
Phí chuyển giao công nghệ-Concoord	*1.985.285.468*	*1.760.943.718*
Phạm Đức Hướng - CT Bà Rịa	-	*50.633.375*
Anh Đạm XD1 - CT Takako	-	*5.883.596*
Anh Lộc - CT Việt Thắng Jean	-	*72.095.757*
Tiền photo của phòng thiết kế	-	*8.733.450*
Số dư có TK 141	*2.078.267.701*	*1.480.801.082*
Thù Lao HĐQT và BKS	*78.000.000*	-
Lãi tiền gửi tiết kiệm CBCNV	*10.005.333*	-
Bảo hiểm CNV XM biệt phái tại Công ty 45	*43.040.808*	-
Tổng cộng	**5.196.591.066**	**4.088.568.332**

12. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay dài hạn	-	***4.200.000.000***
CN Ngân hàng Đầu tư và PT tỉnh Bình Dương (VND)	-	4.200.000.000
Nợ dài hạn	***467.500.000***	-
Nguyễn Trí Bảy	447.000.000	-
Ngô Tiến Đức	4.000.000	-
Nguyễn Xuân Tùng	12.000.000	-
Nguyễn Văn Thành	4.500.000	-
Tổng cộng	**467.500.000**	**4.200.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

13.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2009	**58.320.400.000**	**9.162.540.000**	**(3.739.814.767)**	**63.743.125.233**
Tăng vốn trong kỳ trước	21.679.600.000	2.167.960.000	-	**23.847.560.000**
Tăng khác	-	-	670.383.130	**670.383.130**
Lỗ trong kỳ trước	-	-	24.786.595.072	**24.786.595.072**
Giảm khác	-	-	8.863.463.089	**8.863.463.089**
Số dư ngày 31/12/2009	**80.000.000.000**	**11.330.500.000**	**(36.719.489.798)**	**54.611.010.202**
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	926.662.610	**926.662.610**
Số dư ngày 31/12/2010	**80.000.000.000**	**11.330.500.000**	**(35.792.827.188)**	**55.537.672.812**

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam	-	23.237.500.000
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	48.442.500.000	25.205.000.000
Công ty CP Xây dựng số 9	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty CP Chứng khoán An Bình	4.687.500.000	4.687.500.000
Trần Văn Bùi	1.467.500.000	1.467.500.000
Các cổ đông khác	24.152.500.000	24.152.500.000
Tổng cộng	**80.000.000.000**	**80.000.000.000**

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**80.000.000.000**	**80.000.000.000**
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

13.4 Cổ phiếu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*8.000.000*	*8.000.000*
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*8.000.000*	*8.000.000*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

13.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2010	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2010
Quỹ dự phòng tài chính	111.785.372	-	-	111.785.372
Tổng cộng	**111.785.372**	**-**	**-**	**111.785.372**

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu xây lắp	103.498.835.882	40.644.878.528
Doanh thu sản xuất công nghiệp	1.035.599.314	2.482.205.119
Doanh thu khác	346.189.786	-
Tổng cộng	**104.880.624.982**	**43.127.083.647**

15. Giá vốn bán hàng

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	47.928.866.191	39.748.808.836
Giá vốn sản xuất công nghiệp	37.671.838.781	15.266.254.500
Giá vốn khác	153.742.475	-
Tổng cộng	**85.754.447.447**	**55.015.063.336**

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	698.289.174	102.023.818
Lãi cho vay	34.730.219	616.000
Tổng cộng	**733.019.393**	**102.639.818**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

17. Chi phí tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	6.277.533.405	4.476.846.334
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	589.067.940	330.050.861
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	449.533.911
Tổng cộng	**6.866.601.345**	**5.256.431.106**

18. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	55.405.174.964	34.202.679.538
Chi phí nhân công	11.613.941.709	6.542.168.210
Chí phí khấu hao tài sản cố định	3.585.516.016	3.566.592.374
Chi phí tài chính	6.866.601.345	5.256.431.106
Chi phí bán hàng	4.581.137.818	1.503.041.148
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.420.844.431	5.750.847.442
Chi phí khác bằng tiền	15.149.814.758	10.703.623.214
Tổng cộng	**105.623.031.041**	**67.525.383.032**

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	926.662.610	(24.786.595.072)
lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ thông		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	926.662.610	(24.786.595.072)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	6.912.846
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	115,83	(3.585,58)

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan:

	Quan hệ với Công ty	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		**79.916.737.581**
Tổng công ty CP Vinaconex	Tổng công ty	4.967.308.922
Công ty CP Vinaconex Sài Gòn	Cùng Tổng công ty	61.984.545

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010
(tiếp theo)

Công ty CP Bê tông và XD Vinaconex Cửu Long	Cùng Tổng công ty	110.619.000
Công ty CP Bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai	Công ty mẹ	47.602.331.046
Công ty CP TV Thiết kế Vinaconex Xuân Mai	TV Công ty mẹ	242.894.331
Công ty CP BT&XD Vinaconex XM - CN Hà Đông	TV Công ty mẹ	26.931.599.737
Mua hàng		**4.202.960.054**
Tổng công ty CP Vinaconex	Tổng công ty	467.966.780
Công ty CP Bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai	Công ty mẹ	3.428.641.455
Công ty CP Tư vấn thiết kế Vinaconex Xuân Mai	TV Công ty mẹ	96.450.000
Công ty CP Bê tông và XD Vinaconex Cửu Long	TV Công ty mẹ	209.901.819
Thu nhập khác		**55.436.200**
Công ty CP TV Thiết kế Vinaconex Xuân Mai	TV Công ty mẹ	55.436.200
Doanh thu hoạt động tài chính		**604.983.747**
Công ty CP Bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai	Công ty mẹ	604.983.747
Chi phí hoạt động tài chính		**1.622.022.343**
Tổng công ty CP Vinaconex	Tổng công ty	829.569.000
Công ty CP Bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai	Công ty mẹ	792.453.343

1.2 *Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong kỳ*

	Năm 2010 VND
Ông Trần Văn Bùi (nguyên Giám đốc - nghỉ từ 12/06/2010)	173.328.042
Ông Cao Đại Hải - Giám đốc	137.465.714
Ông Chử Minh Tuyến - Phó Giám đốc (nghỉ từ 14/10/2010)	130.012.395
Ông Đặng Văn Quang - Phó Giám đốc	132.228.421
Ông Lê Hoàng Mai - Phó Giám đốc	182.863.298
Ông Ngô Tiến Đức - Phó Giám đốc	179.882.721
Tổng cộng	**935.780.591**

1.3 *Số dư với các bên liên quan*

	Quan hệ với Công ty	31/12/2010 VND
Phải thu của khách hàng (Dư nợ TK131)		**26.765.211.269**
Công ty CP Bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai	Công ty Mẹ	18.734.963.421
Công ty Vinaconex Xuân Mai - CT C5-C6		*17.567.187.176*
Công ty Vinaconeex Xuân Mai - vật tư thi công nhà xưởng Công ty 45		*1.167.776.245*
Công ty Xuân Mai - CN Hà Đông -CT Hai Thành	Thành viên Cty mẹ	7.633.901.264
Công ty tư vấn thiết kế Xuân Mai - thuê VP	Thành viên Cty mẹ	328.163.584
Công ty Vinaconex Sài Gòn	TV Tổng Công ty	68.183.000
Phải trả cho người bán (Dư nợ TK 331)		**216.883.900**
Công ty Vinaconex Cửu Long - cung cấp cấu kiện	Thành viên Cty mẹ	110.788.900

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

Công ty Tư vấn thiết kế Xuân Mai		106.095.000
Phải trả cho người bán (Dư có TK 331)		**7.161.457.481**
Công ty CP Bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai	Công ty mẹ	2.929.155.000
Tổng Công ty CP XNK Và XD Việt Nam	Tổng Công ty	4.232.302.481
Người mua trả tiền trước (Dư Có TK 131)		**12.772.006.142**
Tổng Công ty CP XNK Và XD Việt Nam	Tổng Công ty	12.772.006.142
CT KTX Sinh Viên - ĐH Quốc Gia Tp. HCM		*12.772.006.142*
Phải thu khác (TK 138) - với XMC		**2.879.613**
Công ty CP Bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai	Công ty mẹ	2.879.613
Các khoản vay (TK311)		**4.405.333.041**
Tổng Công ty CP XNK Và XD Việt Nam	Tổng Công ty	4.405.333.041

2. Những thông tin khác

2.1 Phải thu khách hàng

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty CP XDGT Đồng Tháp - Dầm cầu	6.667.500	6.667.500
CN Công ty CP Công Nghệ MK - CT MK	519.349.950	677.886.950
Công ty LD Bohemia Sài Gòn - CT Bohemia	-	580.102.000
Công ty CP XL Miền Nam - CT Sài Gòn Tếch	324.898.108	456.449.439
CN TCT Cơ Khí XD - Bà Rịa Vũng Tàu	9.000.888	327.808.888
Công ty XL Vinashin Cà Mau - Cọc Cà Mau 1	4.508.896.553	4.508.896.553
Công ty TM SX XD Hưng Thịnh - CT Đồng An	983.881.885	13.691.607.400
Công ty XD CTGT Đồng Tháp - Dầm cầu	-	239.500.000
Trường ĐH Bình Dương - CT Trường ĐH BD	-	1.723.397.180
Công ty CP ĐT & XD Hà Nội - CT Becamex	-	2.800.000.000
Công ty CP phát triển Nam Sài Gòn - CT SADECO	3.277.010.000	1.768.250.000
Công ty Vinaconex X.Mai CN Hà Đông-CT Hai Thành I	794.323.081	-
Công ty CP ĐT&XD nhà ở Sơn An - CT nhà ở BH Đ.Nai	10.851.922.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Hồng Hà - Cho thuê cảng	-	13.761.972
Công ty Vinaconex Xuân Mai - CT C5-C6	17.567.187.176	-
Công ty CP Đạt Phương - Cọc	1.348.974.800	-
Công ty CP XD TM DV Long phát -Tr.CĐ nghề ĐA	500.000.000	-
Công ty ĐT&XD Nhà ở Sơn An - HM phần ngầm	9.725.492.000	-
Công ty Vinaconex Xuân Mai CN HĐ- Phần ngầm Hai Thành	4.885.183	-
Công ty Vinaconex Xuân Mai CN Hà Đông - Phần thân Hai Thành	6.834.693.000	-
Công ty Vinaconex Xuân Mai - Sửa chữa cầu, Bán thép	1.167.776.245	-
Công ty CP Vinaconex Sài Gòn- Thép DUL	68.183.000	-
Công ty TNHH Trung Hà_Mua Sắt thép, vỏ thùng Sika	152.109.260	-
Công ty CP Tư vấn thiết kế VINACONEX Xuân Mai	222.068.584	-
Tổng cộng	**58.867.319.213**	**29.794.327.882**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

2.2 *Trả trước cho người bán*

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TT KT Tài nguyên MT B.Rịa VT-DA nhà ở XM C.Phả	3.521.148	3.521.148
Viện VLXD-Bộ XD-Lập H.sơ tr.nghiền XM NM	50.000.000	50.000.000
Công ty Tư vấn A.R.T.E - Thiết kế	175.000.000	175.000.000
Công ty ĐTXD và ƯD C.nghệ mới-T.kế, lập bản vẽ NM	500.000.000	500.000.000
Công ty SX Chương trình Việt-Quảng cáo	9.250.000	9.250.000
Công ty TNHH XD TM & DV Phương Anh-Mua xe trộn bê tông	500.000.000	500.000.000
Trường CĐ Xây dựng số 2-Đào tạo công nhân	59.000.000	59.000.000
Trường CNKT Xây dựng & VLXD-Đào tạo công nhân	-	18.000.000
Công ty TNHH KD & PT nhà Bình Dân-Mua đất	-	2.848.976.640
Trung tâm hỗ trợ Quản lý chất lượng	31.000.000	31.000.000
Công ty TNHH DV TV TCKT&KT (AASC)	61.710.000	61.710.000
Đặt cọc mua 02 điện thoại VP (2004)	3.000.000	3.000.000
Anh Tuấn - CT MK	12.662.015	-
Công ty Vinaconex Cửu Long - Cung cấp CK	110.788.900	-
Đối tượng khác	50.234	50.185
Tổng cộng	**1.515.982.297**	**4.259.507.973**

2.3 *Tài sản ngắn hạn khác*

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng	***7.713.625.159***	***2.101.744.965***
Chử Minh Tuyến	130.279.124	130.279.124
Nguyễn Thế Nhân	64.126.499	64.126.499
C.Hoa - P.KD	454.645.163	-
Mai Ngọc Thuần - P.KD	21.737.175	-
Phạm Văn Vịnh - P. TCHC	7.336.000	10.802.500
Nguyễn Thị Qua - P.QLCL	31.463.291	1.771.784
Trần Thị Lai - P. TCHC	26.012.000	58.083.000
Lê Nguyễn Thanh Tú-P.TCHC	43.202.324	30.385.514
Trần Văn Bùi -GĐ Cty	358.000.000	358.000.000
Phạm Quang Trọng-P.KT-ĐT	10.000.000	-
Nguyễn Thành Long - P.KT	-	173.880.000
Trần Công Đức - P.KT	10.034.400	10.034.400
Ngô Tiến Đức-P.TCHC	17.000.000	17.000.000
Đỗ Hải Đăng_P.KT	4.442.000.000	-
Nguyễn Chiến Ngưỡng . P. TCHC	85.200.000	-
Nguyễn Thái Sơn PKT	398.833.900	-
Nguyễn Ái Việt_P.KT	23.428.000	-
Trịnh Xuân Hường_Khác	16.131.600	-
Trịnh Xuân Hường - V.Tư phụ	60.411.060	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010
(tiếp theo)

Nguyễn Văn Phước - Khác	81.018.855	-
Nguyễn Văn Phước - Vật tư phụ	36.649.340	-
A.Đạm - CT Trung tâm khảo thí Đồng An	83.860.000	-
Đội Anh Tuấn	263.309.125	231.635.351
Đội XD2	65.253.531	-
Đội Anh Tú	31.983.130	172.419.997
Đội Anh Lộc	143.772.529	143.772.529
Đội Anh Thể	34.924.456	183.388.456
Đội Anh Trọng	134.981.064	134.981.064
Đội XD3	32.497.701	179.887.000
Đội XD5	37.207.600	-
Đội Anh Linh	118.703.000	156.378.000
Đội XD2 - Anh Thanh	70.000.000	-
BĐH các công trường	328.939.430	-
Các đối tượng khác	50.684.862	44.919.747
Tổng cộng	**7.713.625.159**	**2.101.744.965**

2.4 *Phải trả người bán*

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A.Đức XD5 - CT nhà điều hành Becamex	386.607.498	1.025.854.332
A.Đức XD5 - CT Mở rộng nhà XSX (nhịp 3,4)	147.513.732	-
A. Đức XD5 - Chung cư 9 tầng C5-C6	1.176.458.387	-
HTX Vận tải& Bốc dỡ Tân Hiệp Phú-V/chuyển	490.418.538	666.227.948
HTX Vận tải h.Bến Cát -V/chuyển	-	15.000.000
Công ty MTV XD Đất Việt -V/chuyển	-	14.039.708
Công ty DV Giang Hoàng Nam-Thuê cẩu	51.700.000	-
Công ty TNHH Nhật Nam-Thuê cẩu	-	107.778.826
Công ty TNHH TM DV XD Bảo Đức-Ép cọc	-	43.968.001
Công ty TNHH Cổ Loa- Thiết bị trạm trộn	-	37.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Khang Cường-Máy đúc gạch	120.000.000	120.000.000
Công ty Xây dựng số 4- Mua xe Toyota cũ	-	277.300.000
Tổng Công ty CP XNK và XD VN Vinaconex	4.232.302.481	1.589.209.522
Công ty TNHH Hoá chất Xây dựng Basf -Phụ gia	-	100.000.000
Công ty TNHH Hồng Hà-Mua đá, cát	-	309.527.425
Công ty TNHH Soam Vina- Bê tông	-	101.585.000
Công ty TNHH TM & SX cơ khí TMC-Mua cầu trục	8.798.630	8.798.630
Công ty TNHH MTV DV Văn Thanh-Gas	59.701.173	26.082.240
Công ty TNHH Vinkems-Phụ gia	-	30.000.000
Công ty CP Kim khí TpHCM (XN6)-Thép	244.489.951	1.644.489.951
Công ty TNHH L.S - Xốp	443.804.051	23.395.018
Cơ sở điện nước Minh Trung-Vật tư phụ	-	18.718.500
Công ty TNHH SX TM DV Nhật Thành-Thép	20.157.996	1.077.825.976
Công ty CP Thạch Nguyên-Xi măng	-	234.632.897
Công ty Sika hữu hạn Việt Nam-Phụ gia	947.366.750	186.341.485

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010
(tiếp theo)

Công ty CP Bê tông & XD Vinaconex Xuân Mai-Thuê cẩu, cổ tức	2.929.155.000	2.154.707.726
Cơ sở cưa xẻ gỗ Thanh Tuyền	-	42.596.400
Công ty TNHH -TM Minh Tiến	-	214.982.679
Công ty CP lưới thép hàn Thiên Phú-Lưới hàn	25.688.282	-
Công ty CP bê tông Rạch Chiếc	-	95.615.000
Công ty CP XD và KD vật tư (C&T) - Ximăng	8.618.894.005	1.883.109.345
DNTN TM VT Đạt Phú Vinh	-	26.238.497
Công ty CP Nam Hà Việt - thép DUL	1.455.633.614	27.088.005
DNTN Lâm Tiến - gạch	-	19.249.980
Công ty TNHH Bình An (Cấp dầu DO)	147.000.100	-
Công ty T.Mại Ngọc Thiên - Cát, đá	2.487.875.400	-
Công ty TNHH SX & TM Bắc Việt - thép	4.455.149.723	-
Công ty TNHH Khải Hân - Vận chuyển	1.272.910.081	-
Công ty TNHH TMDV Tin học Bảo An	56.276.933	-
Công ty TNHH Song Hợp Lực - lưới hàn	314.586.740	-
Công ty TNHH VT-TM-DV Lai Thanh_Vận chuyển	316.375.639	-
Công ty TNHH Sơn Nero	52.816.971	-
Công ty CP Cơ Khí Và XD Tân Quang	1.539.323.810	-
Công ty Cp Dự Ứng Lực TVN	343.200.000	-
Công ty TNHH MTV Di Vi Quận Vương	17.217.200	-
Điện lực Bến cát	52.456.162	956.981
Công ty TNHH SX-TM Thành Quân	61.031.589	32.064.021
Công ty chứng khoán FPT	10.000.000	-
Công ty CP thiết bị Thành Thái	1.699.500.000	-
A.Đạm - CT Đồng An	215.292.148	1.513.292.893
CT Hai Thành (Chung cư Bình Trị Đông B-Phần móng)	498.456.512	-
A.Trung - CT Đồng An	28.543.669	1.561.391.545
A. Hùng XD3 - CT C5-C6	231.321.284	-
Công ty TNHH XD Phạm Hoàng - CT MK	49.932.000	39.132.000
Công ty TNHH XD - TM Việt Ấn - CT MK	21.307.390	119.943.775
Công ty TNHH MTV Minh Huyền - Thi công nhà ở CBCNV	160.444.800	-
Công ty CP Đầu tư Phan Vũ - Cung cấp cọc CT Hai Thành	800.300.440	-
Công ty CP Đầu tư Phan Vũ - Cọc ĐHQG	3.992.087.884	-
A.Thanh - CT Nhà ở Sơn An (Phần Ngầm)	1.352.013.188	-
Đối tượng khác	24.830.329	40.797.191
Tổng cộng	**41.558.940.080**	**15.428.941.497**

2.5 *Người mua trả tiền trước*

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty LD Quốc Tế Vinata - CT Intel	619.007.899	619.007.899
Công ty CP BT&XD Vinaconex Xuân Mai-CT Hưng Điền, mua thép	-	89.000.000
Trường ĐH Bình Dương - CT Trường ĐH BD	350	-
Công ty Vinaconex X.Mai CN Hà Đông-CT Hai Thành I	-	4.325.000.000
BQL KTXSV - ĐHQG Tp.HCM	12.772.006.142	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010
(tiếp theo)

Công ty TNHH Cao Hải Thanh - Cho thuê cảng	1.500.000	1.500.000
Công ty CP MDF Việt Nam - Cho thuê cảng	-	147.783.788
CN Công ty CP Lilama 18 - Cho thuê cảng	26.418.000	-
Công ty Vinaconex Xuân Mai - Sửa chữa cầu, Bán thép	-	1.734.739.000
Tổng cộng	**13.418.932.391**	**6.917.030.687**

2.6 *Chi phí bán hàng*

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên vật liệu	-	7.197.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.554.086.557	1.340.041.503
Chi phí bằng tiền khác	27.051.261	155.802.273
Tổng cộng	**4.581.137.818**	**1.503.041.148**

2.7 *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.367.725.047	3.251.147.991
Chi phí vật liệu quản lý	406.669.868	317.807.224
Chi phí đồ dùng văn phòng	244.970.147	334.389.034
Chi phí khấu hao TSCĐ	281.446.594	259.000.511
Thuế, phí và lệ phí	171.114.596	168.894.988
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	150.000.000	100.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	520.469.366	855.174.844
Chi phí bằng tiền khác	1.278.448.813	464.432.850
Tổng cộng	**8.420.844.431**	**5.750.847.442**

2.8 *Thu nhập khác*

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu tiền thanh lý TSCĐ	9.776.880	2.500.000.000
Cho thuê cảng, đường công vụ	63.109.091	-
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	25.000.000	-
Thu tiền thép phế liệu	871.025.781	-
Thu nhập khác	54.965.867	66.655.341
Tổng cộng	**1.023.877.619**	**2.566.655.341**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010
(tiếp theo)

2.9 Chi phí khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá trị còn lại TSCĐ	9.776.880	2.763.049.810
Tiền nộp phòng chống lũ lụt	-	10.732.800
Thuế bị phạt, bị truy thu	75.199.478	47.221.019
Chi phí khác	2.375.191	236.587.217
Phạt do chậm nộp lãi tiền vay	476.794	-
Tổng cộng	**87.828.343**	**3.057.590.846**

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE). Một số chỉ tiêu đầu kỳ được phân loại lại phù hợp với quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính về việc "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp".

Bình Dương, ngày 14 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 45

Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Đức Dụng	Cao Đại Hải